

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 08/09/2017
Ông Lê Đức Minh	Thành viên	Tạm thời từ ngày 08/09/2017
Ông Trần Đình Sơn	Thành viên	
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên	

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đức Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 22/09/2017
Ông Trần Đình Khôi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 22/09/2017

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban	
Ông Võ Văn Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Vi Minh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/09/2017

**Phụ trách Kế toán**

Bà Trần Phương Lan	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ ngày 22/09/2017
Bà Nguyễn Thị Vi Minh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/09/2017

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Đức Minh**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 23/01/2018, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Khoản đầu tư 1.498.680 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu đang ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán số tiền là 29.961.270.000 đồng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng số tiền: 13.135.790.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa thu thập được mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán tại thời điểm gần nhất với 31/12/2017 (không quá 1 tháng tính từ 31/12/2017) làm căn cứ trích lập dự phòng khoản đầu tư. Do đó, Chúng tôi không đánh giá giá trị của khoản đầu tư và trích lập dự phòng này cũng như ảnh hưởng đến số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại thời điểm kiểm toán, Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Belco Hà Nội. Do đó, Chúng tôi không có cơ sở đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Belco Hà Nội số tiền: 1.178.000.000 đồng cũng như ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến "chấp nhận toàn phần".



**Nguyễn Minh Long**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0666-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

**Mai Việt Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2334-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.074.459.495</b>	<b>18.150.577.422</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.320.364.955	863.134.167
Tiền	111		1.820.364.955	863.134.167
Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7.1	3.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.691.306.288	2.183.002.084
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.250.617.518	7.787.688.625
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	226.917.165	287.385
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	687.315.950	360.332.175
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.473.544.345)	(5.965.306.101)
Hàng tồn kho	140	10	6.856.987.555	14.170.588.158
Hàng tồn kho	141		8.926.122.321	14.170.588.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.069.134.766)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		205.800.697	933.853.013
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	-	17.621.300
Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.868.537	825.299.553
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	90.932.160	90.932.160
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>35.168.296.490</b>	<b>38.083.674.216</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.500.000	15.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	15.500.000	15.500.000
Tài sản cố định	220		2.702.744.102	4.161.602.450
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.166.289.201	3.536.372.437
- Nguyên giá	222		11.811.386.781	13.074.635.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.645.097.580)	(9.538.263.435)
Tài sản cố định vô hình	227	13	536.454.901	625.230.013
- Nguyên giá	228		840.456.001	840.456.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(304.001.100)	(215.225.988)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.744.300.225	7.979.110.537
- Nguyên giá	231		19.031.531.639	19.031.531.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.287.231.414)	(11.052.421.102)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7.2	17.663.480.000	17.663.480.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.178.000.000	1.178.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		29.621.270.000	29.621.270.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.135.790.000)	(13.135.790.000)
Tài sản dài hạn khác	260		7.042.272.163	8.263.981.229
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	821.514.500	1.443.397.527
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.220.757.663	6.820.583.702
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>55.242.755.985</b>	<b>56.234.251.638</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

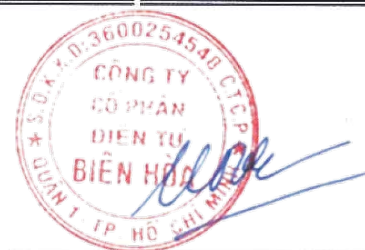
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.203.413.510</b>	<b>6.644.809.774</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.884.459.510</b>	<b>3.570.855.774</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.000.000	31.400.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		374.704.532	531.155.822
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	339.042.759	393.910.959
Phải trả người lao động	314		643.904.700	817.982.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	380.900.974	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	22.727.273
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	936.598.277	1.231.241.061
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		105.409.609	397.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		93.898.659	145.438.659
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.318.954.000</b>	<b>3.073.954.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	3.318.954.000	3.073.954.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.039.342.475</b>	<b>49.589.441.864</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>49.039.342.475</b>	<b>49.589.441.864</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.117.461.832	12.117.461.832
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		52.195.500	52.195.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.130.314.857)	(22.580.215.468)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.580.215.468)	(21.128.487.599)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(550.099.389)	(1.451.727.869)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>55.242.755.985</b>	<b>56.234.251.638</b>

  
Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

  
Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Minh  
Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	21.339.784.625	20.632.453.199
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	266.510.497	353.824.594
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.073.274.128	20.278.628.605
Giá vốn hàng bán	11	22	12.711.276.657	13.487.093.990
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.361.997.471	6.791.534.615
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	905.489.512	4.107.946
Chi phí tài chính	22	24	1.117.510	(1.953.070.476)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	412.430.807
Chi phí bán hàng	25	25	4.878.942.184	5.173.098.786
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.932.294.236	5.489.132.241
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(544.866.947)	(1.913.517.990)
Thu nhập khác	31	26	754.259.410	123.672.763
Chi phí khác	32	27	159.665.813	175.098
Lợi nhuận khác	40		594.593.597	123.497.665
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.726.650	(1.790.020.325)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	599.826.039	(338.292.456)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(550.099.389)	(1.451.727.869)
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(92)	(242)
(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(92)	(242)

Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng




Lê Đức Minh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		25.072.124.040	25.042.125.445
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(7.013.616.272)	(8.917.500.562)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.537.392.300)	(7.236.567.874)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	(450.134.856)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.107.045.781	2.542.733.061
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.452.528.473)	(4.300.763.619)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.175.632.776</b>	<b>6.679.891.595</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		885.200.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		681.903.762	3.105.626
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.432.896.238)</b>	<b>3.105.626</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	1.942.393.140
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(8.652.511.245)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(285.505.750)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(285.505.750)</b>	<b>(6.710.118.105)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>7.457.230.788</b>	<b>(27.120.884)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>863.134.167</b>	<b>889.441.001</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	814.050
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>8.320.364.955</b>	<b>863.134.167</b>

  
Lâm Thị Hồng Loan  
Người lập biểu  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

  
Nguyễn Thị Vi Minh  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Minh  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa (sau đây gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002784 ngày 21 tháng 10 năm 2004 và chứng nhận đăng ký kinh doanh & đăng ký thuế số 3600254548 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển thể từ DNNN Công ty Điện tử Biên Hòa, ĐKKD số 102722 do Trọng tài Kinh tế TP.HCM cấp ngày 31/5/1993.

Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa có trụ sở chính đặt tại: 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận I, TP.HCM. Và các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa tại Hà Nội. Địa chỉ: 178 Phố Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Trung tâm Thương Mại và Dịch vụ. Địa chỉ: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận I, Tp. HCM.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa – Nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 là 60.000.000.000 VND; tương đương 6.000.000 cổ phần.

Số lượng nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 44 cán bộ công nhân viên đang làm việc.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký của công ty bao gồm:

- Sản xuất, bảo hành, kinh doanh sản phẩm điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, vật tư, sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng, cửa hàng, cửa hiệu, nhà hàng, siêu thị, kho hàng, bến bãi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành, trò chơi giải trí, trang trí;
- Các dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành, bảo trì các sản phẩm điện, điện tử, tin học;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, bán lẻ thiết bị bu chính viễn thông...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung.

**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho dựa theo nguyên tắc giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

**3.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không thực hiện trích khấu hao. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng áp dụng theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	<b>Thời gian sử dụng</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.10 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính liên quan.

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả trong kỳ được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sau khi trừ đi lỗ lũy kế từ những năm trước. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.14 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan.

Theo đó bên liên quan của Công ty có phát sinh giao dịch và số dư trong năm là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính của Công ty được trình bày tại thuyết minh số 34.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	123.236.104	106.875.276
- Tiền mặt VND	56.745.979	39.569.776
- Tiền mặt USD (1)	66.490.125	67.305.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.697.128.851	756.258.891
- Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Quận 4	35.163.642	690.398.043
- Ngân hàng Vietcombank - TP. HCM	1.650.139.745	-
- Ngân hàng Saigonbank - TP.HCM	4.411.379	59.169.532
- Ngân hàng Saigonbank - TP.HCM - Tiền gửi USD (2)	1.121.250	1.136.000
- Ngân hàng Saigonbank - Chi nhánh Hà Nội	3.860.675	3.841.156
- Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Sài Gòn	2.432.160	1.714.160
Các khoản tương đương tiền	6.500.000.000	-
	<b>8.320.364.955</b>	<b>863.134.167</b>

**Chi tiết số nguyên tệ**

	31/12/2017	01/01/2017
	USD	USD
- Tiền mặt	2.965	2.965
- Tiền gửi Ngân hàng	50	50
	<b>3.015</b>	<b>3.015</b>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>226.917.165</b>	<b>287.385</b>
- Công ty Cổ phần Vietronics Thủ Đức	209.417.165	-
- Guangdong Ailian Electric Appliance CO., LTD	-	287.385
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	17.500.000	-
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>226.917.165</b>	<b>287.385</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	17.621.300
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	17.621.300
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>821.514.500</b>	<b>1.443.397.527</b>
Trong đó:		
+ Chi phí dịch vụ môi giới thuê nhà	108.230.000	85.128.568
+ Chi phí thiết bị CPU, bộ máy vi tính	29.933.338	16.823.334
+ Chi phí dự án CCTV	598.086.309	1.177.188.424
+ Chi phí thiết bị điện gia dụng	21.941.894	68.795.028
+ Chi phí chống thấm dột tòa nhà 97 NTMK	37.636.369	54.363.635
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	25.686.590	41.098.538
	<b>821.514.500</b>	<b>1.461.018.827</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**7.1. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn hơn 3 tháng tại Ngân hàng Sacombank - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**7.2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>1.178.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Belco Hà Nội - Công ty liên kết (1)	1.178.000.000	1.178.000.000	-	1.178.000.000	1.178.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>29.621.270.000</b>	<b>16.485.480.000</b>	<b>(13.135.790.000)</b>	<b>29.621.270.000</b>	<b>16.485.480.000</b>	<b>(13.135.790.000)</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (2)	29.621.270.000	16.485.480.000	(13.135.790.000)	29.621.270.000	16.485.480.000	(13.135.790.000)

(1) Công ty hiện sở hữu 117.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Belco Hà Nội, chiếm tỷ lệ 38%.

(2) Công ty hiện sở hữu 1.498.680 cổ phần của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.250.617.518</b>	<b>(5.473.544.345)</b>	<b>7.787.688.625</b>	<b>(5.965.306.101)</b>
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạch Việt	747.000.000	(522.900.000)	747.000.000	(373.500.000)
- Công ty Cổ phần dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn	4.769.190.948	(4.769.190.948)	5.427.236.994	(5.427.236.994)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	734.426.570	(181.453.397)	1.613.451.631	(164.569.107)
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>6.250.617.518</b>	<b>(5.473.544.345)</b>	<b>7.787.688.625</b>	<b>(5.965.306.101)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>687.315.950</b>	-	<b>360.332.175</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	231.700.000	-	231.700.000	-
- Phải thu người lao động về BHXH, BHYT, BHTN	-	-	52.180.000	-
- Phải thu khách hàng nợ tiền du lịch	370.000.000	-	-	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	1.594.986	-	-	-
- Tạm ứng cán bộ công nhân viên	71.500.000	-	62.380.000	-
- Hàng gửi trung bày	12.520.964	-	14.072.175	-
<b>Dài hạn</b>	<b>15.500.000</b>	-	<b>15.500.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	15.500.000	-	15.500.000	-
+ Đặt cọc Taxi Mai Linh	10.000.000	-	10.000.000	-
+ Đặt cọc thuê bình nước	500.000	-	500.000	-
+ Đặt cọc taxi Vinasun	5.000.000	-	5.000.000	-
	<b>702.815.950</b>	-	<b>375.832.175</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	729.106.559	-	727.299.918	-
Công cụ, dụng cụ	112.867.860	-	119.029.709	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	502.105.904	-	329.027.063	-
Thành phẩm	6.881.286.680	(1.720.214.707)	12.144.946.835	-
Hàng hóa	700.755.318	(348.920.059)	850.284.633	-
	<b>8.926.122.321</b>	<b>(2.069.134.766)</b>	<b>14.170.588.158</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	5.691.128.880	3.134.263.483	4.209.152.600	40.090.909	13.074.635.872
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.263.249.091)	-	(1.263.249.091)
31/12/2017	<u>5.691.128.880</u>	<u>3.134.263.483</u>	<u>2.945.903.509</u>	<u>40.090.909</u>	<u>11.811.386.781</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	(5.556.349.602)	(1.576.834.252)	(2.364.988.672)	(40.090.909)	(9.538.263.435)
- Khấu hao trong năm	(35.159.808)	(236.278.044)	(137.625.248)	-	(409.063.100)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	302.228.955	-	302.228.955
31/12/2017	<u>(5.591.509.410)</u>	<u>(1.813.112.296)</u>	<u>(2.200.384.965)</u>	<u>(40.090.909)</u>	<u>(9.645.097.580)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	<u>134.779.278</u>	<u>1.557.429.231</u>	<u>1.844.163.928</u>	<u>-</u>	<u>3.536.372.437</u>
31/12/2017	<u>99.619.470</u>	<u>1.321.151.187</u>	<u>745.518.544</u>	<u>-</u>	<u>2.166.289.201</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 8.981.491.779 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2017
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>19.031.531.639</b>	-	-	<b>19.031.531.639</b>
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
- Nhà	13.156.179.820	-	-	13.156.179.820
- Cơ sở hạ tầng trên đất	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(11.052.421.102)</b>	<b>(234.810.312)</b>	-	<b>(11.287.231.414)</b>
- Quyền sử dụng đất	(1.640.028.860)	(58.817.988)	-	(1.698.846.848)
- Nhà	(7.348.433.323)	(175.992.324)	-	(7.524.425.647)
- Cơ sở hạ tầng trên đất	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>7.979.110.537</b>	-	-	<b>7.744.300.225</b>
- Quyền sử dụng đất	2.171.364.040	-	-	2.112.546.052
- Nhà	5.807.746.497	-	-	5.631.754.173
- Cơ sở hạ tầng trên đất	-	-	-	-

Nguyên giá Bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 2.364.817.110 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền sử dụng nhà VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2017	63.636.364	195.992.522	580.827.115	840.456.001
	<u>63.636.364</u>	<u>195.992.522</u>	<u>580.827.115</u>	<u>840.456.001</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2017	(10.825.379)	(39.198.504)	(165.202.105)	(215.225.988)
- Khấu hao trong năm	(1.275.120)	-	(87.499.992)	(88.775.112)
	<u>(12.100.499)</u>	<u>(39.198.504)</u>	<u>(252.702.097)</u>	<u>(304.001.100)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2017	52.810.985	156.794.018	415.625.010	625.230.013
31/12/2017	<u>51.535.865</u>	<u>156.794.018</u>	<u>328.125.018</u>	<u>536.454.901</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền: 55.827.115 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>31.400.000</b>	<b>31.400.000</b>
- Công ty Cổ phần Giải pháp Đám mây Việt	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
- Nguyễn Đăng Khánh	-	-	18.700.000	18.700.000
- Trần Vũ	-	-	2.700.000	2.700.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>31.400.000</b>	<b>31.400.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	265.729.994	2.215.127.834	2.162.913.769	317.944.059
- Thuế thu nhập cá nhân	3.200.000	119.242.375	101.343.675	21.098.700
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	124.980.965	240.722.976	365.703.941	-
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
	<b>393.910.959</b>	<b>2.581.093.185</b>	<b>2.635.961.385</b>	<b>339.042.759</b>
	01/01/2017	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.932.160	-	-	90.932.160
	<b>90.932.160</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>90.932.160</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>380.900.974</b>	-
- Trích trước chi phí du lịch Hồng Kông - Thẩm Quyên - Quảng Châu theo giấy chấp thuận số 018/2017/KD ngày 23/3/2017	380.900.974	-
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>380.900.974</b>	-

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>936.598.277</b>	<b>1.231.241.061</b>
- Kinh phí công đoàn	45.138.460	65.217.510
- BHXH, BHYT phải nộp	-	30.931.800
- Cổ tức phải trả	453.610.000	740.269.000
- Tiền thuế thu nhập cá nhân phải trả cho CBCN	17.173.526	16.522.751
- Phải trả về cổ phần hóa	328.300.000	328.300.000
- Phải trả ông Phạm Hoàng Thân	42.376.291	-
- Phải trả ông Huỳnh Văn Hà	50.000.000	50.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.318.954.000</b>	<b>3.073.954.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		-
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty TNHH Hoàng Phúc Quốc tế	1.654.554.000	1.654.554.000
+ Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	1.184.400.000	1.184.400.000
+ Công ty TNHH Điện tử TM&XNK Bình Minh	-	160.000.000
+ Công ty TNHH MTV điện tử Minh Linh	75.000.000	
+ Công ty TNHH Thương mại thời trang Hải Đăng	330.000.000	
+ Công ty TNHH Quyết Thành	75.000.000	75.000.000
	<b>4.255.552.277</b>	<b>4.305.195.061</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	(21.128.487.599)	51.041.169.733
- Lỗi năm trước	-	-	-	(1.451.727.869)	(1.451.727.869)
31/12/2016	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	(22.580.215.468)	49.589.441.864
01/01/2017	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	(22.580.215.468)	49.589.441.864
- Lãi năm nay	-	-	-	(550.099.389)	(550.099.389)
31/12/2017	60.000.000.000	12.117.461.832	52.195.500	(23.130.314.857)	49.039.342.475

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam (51%)	30.600.000.000	30.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác (49%)	29.400.000.000	29.400.000.000
	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
· <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
+ USD	3.015,00	3.015,00



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Công ty TNHH Thu Ngân	97.880.000	97.880.000
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thanh Phón	88.045.000	88.045.000
- Công ty TNHH MTV TM KT Nhật Hào Huy	10.634.999	10.634.999
	<u>196.559.999</u>	<u>196.559.999</u>

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	6.710.146.841	9.723.971.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.629.637.784	10.908.481.799
	<u>21.339.784.625</u>	<u>20.632.453.199</u>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	256.846.497	25.533.880
Hàng bán bị trả lại	9.664.000	328.290.714
	<u>266.510.497</u>	<u>353.824.594</u>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Giá vốn bán hàng hóa	11.372.545.914	11.647.550.672
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.338.730.743	1.839.543.318
	<u>12.711.276.657</u>	<u>13.487.093.990</u>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	82.431.762	3.105.626
Cổ tức, lợi nhuận được chia	599.472.000	-
Thu tiền bồi thường hợp đồng Tân Thành Hưng	223.585.750	-
Lãi Chênh lệch tỷ giá	-	1.002.320
	<u>905.489.512</u>	<u>4.107.946</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(2.372.410.440)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.117.510	6.909.157
Lãi vay	-	412.430.807
	<b>1.117.510</b>	<b>(1.953.070.476)</b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	2.370.897.484	2.800.962.836
Chi phí công cụ dụng cụ	72.330.619	121.119.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.275.120	1.275.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383.656.583	1.202.951.998
Chi phí dự phòng	(33.715.710)	745.060.095
Thuế, phí và lệ phí	3.352.000	38.010.934
Chi phí bằng tiền khác	2.134.498.140	579.751.710
	<b>4.932.294.236</b>	<b>5.489.132.241</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dự phòng bảo hành	440.000	301.987.645
Chi phí nhân công	2.055.761.134	2.761.110.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.934.170	2.045.675.145
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.300.145.462	-
Chi phí công cụ dụng cụ	10.084.991	42.012.714
Chi phí bằng tiền khác	325.576.427	22.312.545
	<b>4.878.942.184</b>	<b>5.173.098.786</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền phạt thu được	286.299.449	-
Các khoản khác	467.959.961	123.672.763
	<b>754.259.410</b>	<b>123.672.763</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	156.292.863	-
Chi bồi thường, bị phạt	2.908.224	-
Chi phí khác	464.726	175.098
	<b>159.665.813</b>	<b>175.098</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.092.200.328	6.572.275.350
Chi phí nhân công	6.034.322.000	8.823.971.265
Khấu hao tài sản cố định	732.648.524	595.638.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.648.593.332	3.963.645.167
Chi phí bằng tiền khác	2.460.074.567	602.064.255
Chi phí dự phòng		1.047.047.740
	<b>22.967.838.751</b>	<b>21.604.641.921</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>49.726.650</b>	<b>(1.790.020.325)</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>2.908.224</b>	<b>99.372.098</b>
- Các khoản chi phí (phạt)	2.908.224	-
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>814.050</b>
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	814.050
<b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>(55.543.098)</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>(1.691.462.277)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2014	22.895.155.917	22.895.155.917
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2015	6.569.804.994	6.569.804.994
Lỗ tính thuế TNDN hoãn lại năm 2016	1.691.462.277	1.691.462.277
Lỗ tính thuế chuyển cho năm 2017	(52.634.874)	-
<b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ lũy kế</b>	<b>31.103.788.314</b>	<b>31.156.423.188</b>
Thuế suất tính thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>6.220.757.663</b>	<b>6.820.583.702</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(599.826.039)</b>	<b>338.292.456</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(550.099.389)	(1.451.727.869)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(92)	(242)

**32. (LỖ) SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(550.099.389)	(1.451.727.869)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	6.000.000	6.000.000
Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (CP)	-	-
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(92)	(242)

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.16.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.320.364.955	863.134.167
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.852.317.518	8.019.388.625
Đầu tư dài hạn	17.663.480.000	17.663.480.000
	<b>35.836.162.473</b>	<b>26.546.002.792</b>
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.220.413.817	4.271.377.551
Chi phí phải trả	380.900.974	-
	<b>4.601.314.791</b>	<b>4.271.377.551</b>
	<b>31.234.847.682</b>	<b>22.274.625.241</b>

Tại ngày 31/12/2017, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	901.459.817	3.318.954.000	4.220.413.817
	<b>1.282.360.791</b>	<b>3.318.954.000</b>	<b>4.601.314.791</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.197.423.551	3.073.954.000	4.271.377.551
	<b>1.197.423.551</b>	<b>3.073.954.000</b>	<b>4.271.377.551</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.320.364.955	-	8.320.364.955
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.836.817.518	15.500.000	6.852.317.518
Đầu tư dài hạn	-	17.663.480.000	17.663.480.000
	<b>18.157.182.473</b>	<b>17.678.980.000</b>	<b>35.836.162.473</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	863.134.167	-	863.134.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.003.888.625	15.500.000	8.019.388.625
Đầu tư dài hạn	-	17.663.480.000	17.663.480.000
	<b>8.867.022.792</b>	<b>17.678.980.000</b>	<b>26.546.002.792</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Để quản lý phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BIÊN HÒA**52-54 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé,  
Quận I, TP. HCM**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ) VND	Không quá hạn			Quá hạn				
		VND	VND	VND	Dưới 1 năm		Trên 1 năm		Tổng
					Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	
<b>31/12/2017</b>									
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.320.364.955	-	8.320.364.955	8.320.364.955	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.836.817.518	-	1.363.273.173	1.363.273.173	-	-	5.473.544.345	-	5.473.544.345
Các khoản phải thu dài hạn	15.500.000	-	15.500.000	15.500.000	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	17.663.480.000	13.135.790.000	4.527.690.000	17.663.480.000	-	-	-	-	-
	<b>35.836.162.473</b>	<b>13.135.790.000</b>	<b>17.226.828.128</b>	<b>30.362.618.128</b>	-	-	<b>5.473.544.345</b>	-	<b>5.473.544.345</b>
<b>01/01/2017</b>									
Tiền và các khoản tương đương tiền	863.134.167	-	863.134.167	863.134.167	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	8.003.888.625	-	2.038.582.524	2.038.582.524	-	-	5.965.306.101	-	5.965.306.101
Các khoản phải thu dài hạn	15.500.000	-	15.500.000	15.500.000	-	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	17.663.480.000	13.135.790.000	4.527.690.000	17.663.480.000	-	-	-	-	-
	<b>26.546.002.792</b>	<b>13.135.790.000</b>	<b>7.444.906.691</b>	<b>20.580.696.691</b>	-	-	<b>5.965.306.101</b>	-	<b>5.965.306.101</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***34. THÔNG TIN KHÁC****34.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>			
Phạm Hoàng Thân	Thành viên HĐQT	25.999.380	-
<b>Hàng bán bị trả lại</b>			
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	Công ty liên kết	-	312.945.589

**Số dư với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	Công ty liên kết	2.716.582	2.716.582
<b>Tạm ứng</b>			
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>			
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên HĐQT	48.930.000	-
<b>Phải trả khác</b>			
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên HĐQT	42.372.291	-

**Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc**

		Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Chủ tịch HĐQT	39.000.000	36.000.000
Ông Trần Đình Khôi	Thành viên HĐQT	332.401.000	30.000.000
Ông Lê Đức Minh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	93.600.000	-
Ông Phạm Hoàng Thân	Thành viên HĐQT	87.199.000	30.000.000
Ông Trần Đình Sơn	Thành viên HĐQT	32.500.000	30.000.000
Ông Võ Văn Chúng	Thành viên HĐQT	32.500.000	30.000.000
		<b>617.200.000</b>	<b>156.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**34.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



**Lâm Thị Hồng Loan**

Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018



**Nguyễn Thị Vi Minh**

Kê toán trưởng



**Lê Đức Minh**

Tổng Giám đốc